

Bản án số: **38/2022/DS-ST**
Ngày: 25/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Khuất Thị Phương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thiệu

Bà Phạm Thị Bích Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà My - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa :

Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 25/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/ 2021/ TLST-DS ngày 11/11/2021 về kiện ‘*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*’.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/QĐXX - DS ngày 13/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/QĐ - HPT ngày 05/5/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Văn T, bà Đinh Thị Thanh T và ông Nguyễn Anh H - cán bộ xử lý nợ (Giấy UQ 1045/2021 ngày 19/4/2021)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1970.

HKTT: Số 1 đường T, phường P, quận H, thành phố H.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Trần Sơn T, sinh năm 1993

2/ Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 2001

3/ Cháu Trần Hoàng B, sinh năm 2019

4/ Cháu Trần Hoàng L, sinh năm 2020

Cháu B, cháu L do chị H là mẹ đẻ giám hộ.

Tất cả hiện sinh sống tại Tập thể T, phường T, quận H, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày: Ông Nguyễn Minh T vay vốn tại Ngân hàng TMCP V theo 02 Hợp đồng tín dụng và 01 hợp đồng thế với tổng số tiền là 558.000.000 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 11943617 ký ngày 15/2/2017, số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 300 tháng với mục đích hoàn vốn mua nhà đất tại địa chỉ: căn 1b, nhà k5, Tập thể T, phường T, quận H, Thành phố H. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên

là ngày 01/07/2017, mức điều chỉnh lãi suất xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng TMCP V đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/năm.

- Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ số TPVN0010324/201712/110052 ký ngày 11/12/2017, số tiền vay là 30.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng với mục đích mua đồ gia dụng, lãi suất trong hạn là 31%/năm.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số VN0010165/201711/094 ký ngày 20/11/2017, hạn mức vay là 28.000.000 đồng, Lãi suất trong hạn theo quy định của Ngân hàng TMCP V.

- Tài sản bảo đảm cho 03 khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Nhà ở là căn hộ chung cư, diện tích sở hữu nhà ở 13,6m², tầng 2, diện tích sử dụng đất ở 34,9 m² tại địa chỉ căn 1b, nhà k5, Tập thể T, phường T, quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 243425 số vào sổ cấp GCN: CS – HM 02694 do Sở tài nguyên môi trường TP H cấp ngày 23/05/2016. Ngày 20/01/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai H, chi nhánh quận H, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Minh T. Chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số 420/2017, quyền số 01-2017 TP/CC-SCC-HĐGD ký ngày 11/02/2017 tại Văn phòng công chứng K, thành phố H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông T có thanh toán được một phần tiền gốc và tiền lãi, từ năm 2018, 2019 ông Nguyễn Minh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của khoản vay sang nợ quá hạn với từng khoản vay theo hợp đồng tín dụng. Sau khi khoản nợ bị chuyển nợ quá hạn, ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng ông Nguyễn Minh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 11943617 ngày 15/2/2017 thanh toán 6.383.679 đồng nợ gốc, chuyển nợ quá hạn ngày 15/2/2019, còn nợ 493.616.321 đồng nợ gốc và toàn bộ lãi, lãi phạt phát sinh; Khoản vay tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/12/2017 đã thanh toán 8.100.963 đồng nợ gốc, lãi, chuyển nợ quá hạn ngày 05/3/2019, còn nợ 21.899.037 đồng nợ gốc và toàn bộ nợ lãi, lãi phạt; Khoản vay theo Hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/11/2017 chuyển nợ quá hạn từ ngày 08/12/2018, còn nợ gốc 16.833.691 đồng và lãi phát sinh. Tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/4/2021 là 532.349.049 đồng nợ gốc, 275.797.672 đồng nợ lãi và 31.505.362 đồng lãi chậm trả. Khoản lãi chậm trả căn cứ theo thông tư 39/2016 của Ngân hàng NN quy định được tính trên dư nợ lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng TMCP V đề nghị tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Ông Nguyễn Minh T thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V; Yêu cầu Tòa án tuyên trong Quyết định/Bản án: Ngân hàng TMCP V có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản của Ông Nguyễn Minh T để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V, tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Nhà ở là căn hộ chung cư theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 243425 số vào sổ cấp GCN: CS – HM 02694 do Sở tài nguyên môi trường TP H cấp ngày 23/05/2016. Ngày 20/01/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai H, chi nhánh quận H, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Minh T tại địa

chỉ: 1b, nhà k5, tập thể T, phường T, quận H, thành phố H. Chi tiết tại Hợp đồng thế chấp số 420/2017, quyền số 01-2017 TP/CC-SCC-HĐGD ký ngày 11/02/2017.

- **Bị đơn, ông Nguyễn Minh T:** Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành xác minh nơi cư trú tại địa chỉ số 1 đường T, phường P, quận H, thành phố H, ông T có đăng ký hộ khẩu tại đây nhưng hiện không xác định được đang sinh sống ở đâu, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông T.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày :**

1/**Anh Trần Sơn T:** Ông Nguyễn Minh T là chú họ anh, năm 2017 anh và ông T có mua chung căn hộ 1b K5 Tập thể T, phường T, quận H, ông T đứng tên sổ đỏ, sau khi mua xong, ông T đã thế chấp ngôi nhà này vay tiền tại ngân hàng TMCP V, sau đó thì vợ chồng anh cũng về sinh sống tại đây hiện vợ chồng anh vẫn đang sinh sống cùng hai con. Từ khi ông T vay tiền, thời gian đầu hàng tháng anh là người trực tiếp thanh toán cho ngân hàng các khoản nợ gốc, nợ lãi, ông T có biết, từ năm 2019 đến nay ông T đi làm ăn xa rồi vướng vào pháp luật gì đó nên trốn tránh không liên hệ gì với gia đình nữa, anh cũng cố tìm cách liên hệ nhưng hiện anh cũng không biết ông T ở đâu, anh nhiều lần đề nghị với ngân hàng giải quyết khoản nợ để chuyển đổi giấy tờ nhà cho anh nhưng do không có mặt ông T nên không thực hiện được. Nay anh có nguyện vọng được mua lại căn nhà trên khi ngân hàng phát mại, đề nghị tòa án giải quyết.

2/**Chị Nguyễn Thúy H:** Chị H đồng ý với ý kiến trình bày của chồng chị là anh Trần Sơn T, vợ chồng và các con chị đang sinh sống ổn định tại căn nhà 1b K5 Tập thể T, phường T, quận H đứng tên ông Nguyễn Minh T đang thế chấp cho ngân hàng TMCP V. Vợ chồng chị có nguyện vọng mua lại tài sản này khi ngân hàng xử lý tài sản, chị đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu về tính lãi phạt, tiền lãi phạt ngân hàng tính trên nợ gốc trong hạn, do vậy số tiền ông T phải trả cho ngân hàng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 931.078.741 đồng, trong đó nợ gốc 532.349.039 đồng, lãi trong hạn 16.467.049 đồng, lãi quá hạn 376.864.178 đồng, lãi phạt chậm trả 5.389.465 đồng, chi tiết theo bản tính lãi từng khoản vay ngân hàng đã cung cấp cho quý Tòa, các yêu cầu khác ngân hàng vẫn giữ nguyên như trong đơn khởi kiện.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:**

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và việc tiến hành thu thập chứng cứ.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tòa án tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng DS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS. Đối với các đương sự vắng mặt đã được tòa án thực hiện thông đạt theo quy định của pháp luật.

- **Về nội dung vụ án:** Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP V.

+ Buộc ông Nguyễn Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là 929.708.867 đồng, gồm nợ gốc 532.349.039 đồng, lãi trong hạn 16.467.049 đồng, lãi quá hạn 375.489.123 đồng, lãi phạt chậm trả 5.389.465

đồng, theo các Hợp đồng tín dụng đã ký. Ông T còn phải thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc của các khoản vay trên.

+ Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng trong trường hợp ông T không trả được khoản nợ trên theo Hợp đồng thế chấp số 420/2017, quyền số 01-2017 TP/CC-SCC-HĐGD ký ngày 11/02/2017 tại Văn phòng công chứng K, thành phố H là căn hộ chung cư, diện tích sở hữu nhà ở 13,6m², tầng 2, diện tích sử dụng đất ở 34,9 m² tại địa chỉ căn 1b, nhà k5, TT T, phường T, quận H, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 243425 số vào sổ cấp GCN: CS-HM 02694 do Sở tài nguyên môi trường thành phố H cấp ngày 23/05/2016. Ngày 20/01/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai H, chi nhánh quận H.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đương trong hồ sơ. HĐXX xác định quan hệ pháp luật là ‘*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*’. Bị đơn ông Nguyễn Minh T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 1 đường T, phường P, quận H, thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung

[2.1] Xét yêu cầu thanh toán theo các hợp đồng tín dụng

Ngày 15/2/2017 ông Nguyễn Minh T đã ký Hợp đồng tín dụng số 11943617 với ngân hàng TMCP V để vay số tiền 500.000.000 đồng, cùng ngày hai bên ký khế ước nhận nợ số tiền vay trên, lãi suất cho vay là 12,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4,5%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính ngân hàng xác định từng thời kỳ. Các bên thống nhất đến kỳ điều chỉnh lãi suất ngân hàng sẽ tự động điều chỉnh theo đúng thỏa thuận và không phải thông báo cho bên vay, bên vay chấp nhận mức lãi suất mới kể từ thời điểm ngân hàng điều chỉnh. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã trả 6.383.679 đồng nợ gốc, từ ngày 15/2/2019 ông Tuấn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn, còn nợ 493.616.321 đồng nợ gốc và toàn bộ lãi, lãi phạt phát sinh

Ngày 11/12/2017 hai bên ký tiếp Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số TPVN 0010324/201712/110052 với số tiền vay là 30.000.000 đồng để mua đồ gia dụng, lãi suất trong hạn là 31%/năm, quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thanh toán 8.100.963 đồng nợ gốc, kể từ ngày 05/3/2019 ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Hiện ông T còn nợ 21.899.037 đồng nợ gốc và toàn bộ nợ lãi, lãi phạt.

Ngày 20/11/2017 Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 28.000.000 đồng cho ông T theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Kể từ

ngày 08/12/2018 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ chuyển toàn bộ khoản nợ này sang nợ quá hạn, ông T còn nợ gốc 16.833.691 đồng và lãi phát sinh.

Xét thấy thời điểm ký kết Hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện, hình thức nội dung hợp đồng phù hợp, không trái với các quy định của pháp luật về giao dịch dân sự nên có giá trị hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia. Do vậy việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ các hợp đồng trên là có căn cứ pháp luật.

Về tiền lãi : Tại hợp đồng tín dụng số 11943617 ký ngày 15/2/2017 và khế ước nhận nợ 11943617 cùng ngày, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 12,5%/năm, được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/07/2017, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/năm. Tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ số TPVN0010324/201712/110052 ký ngày 11/12/2017, số tiền vay là 30.000.000 đồng có lãi suất là 31%/năm cố định không thay đổi trong suốt thời hạn vay; Đối với hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 20/11/2017 với hạn mức được cấp là 28.000.000 đồng, lãi suất là 2,19% / tháng.

Theo các tài liệu, quyết định về việc ban hành lãi suất điều chỉnh mức lãi suất cho vay áp dụng tại từng thời kỳ và đối chiếu với Bản tính lãi thống kê chi tiết của Ngân hàng cung cấp, số tiền nợ gốc, lãi (*tạm tính đến ngày 25/5/2022*):

- Hợp đồng tín dụng số 11943617 ngày 15/2/2017: Nợ gốc 493.616.321 đồng, lãi trong hạn 15.650.690 đồng, lãi quá hạn 310.030.750 đồng
- Hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/12/2017: Nợ gốc 21.899.037 đồng, lãi trong hạn 825.359 đồng, lãi quá hạn 33.149.516 đồng
- Hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/11/2017: Nợ gốc 16.833.691 đồng, lãi quá hạn 33.683.912 đồng.

Tổng cộng : 925.689.276 đồng, trong đó nợ gốc 532.349.049 đồng, lãi trong hạn 16.476.049 đồng, lãi quá hạn 376.864.178 đồng.

Căn cứ theo bản kê tính lãi và các Quyết định điều chỉnh lãi suất từng thời kỳ tương ứng với từng khoản vay thấy rằng việc tính lãi của ngân hàng được thực hiện theo đúng hợp đồng, phù hợp theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất, phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên căn cứ để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn như trên.

Về tiền phạt lãi chậm trả :

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán lãi phạt chậm trả theo Hợp đồng tín dụng ngày 15/2/2017 và Hợp đồng cho vay mở sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ ngày 11/12/2017 số tiền tạm tính đến ngày 12/4/2021 là 31.505.361 đồng trên dư nợ quá hạn, tại phiên tòa Ngân hàng có thay đổi yêu cầu cách tính lãi phạt chậm trả tính trên dư nợ lãi trong hạn. Như vậy số tiền lãi phạt chậm trả như sau:

Hợp đồng tín dụng số 11943617 ngày 15/2/2017, quá hạn từ ngày 15/2/2019:

(15.650.690 đồng x 10%) /365 x 1.195 ngày = 5.123.767 đồng;

Hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 11/12/2017, quá hạn từ ngày 05/3/2019:

(825.359 đồng x 10%) / 365 x 1.175 ngày = 265.678 đồng

Tổng cộng là: 5.389.465 đồng.

Xét thấy tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về lãi suất áp dụng đối với hợp đồng tín dụng được xác lập sau ngày 01/1/2017 có quy định việc xác định lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Trường hợp ông T không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả. Theo điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: “*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn*”. Điểm a, b khoản 4 Điều 13/TT 39/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định khách hàng phải trả tiền lãi vay như sau: a. “*lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;*” b. “*trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”. Căn cứ các quy định trên, có cơ sở chấp nhận số tiền phạt lãi chậm trả ông T phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử là 5.389.465 đồng.

Từ các phân tích trên, căn cứ điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019 ngày 11/1/2019 của HĐTP TAND Tối cao quy định về lãi, lãi suất, lãi phạt có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi và phạt chậm trả như trên cho ngân hàng và tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc của các khoản vay trên.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp số 420/2017, quyền số 01-2017 TP/CC-SCC-HĐGD ký ngày 11/02/2017 tại Văn phòng công chứng K, thành phố H giữa bên nhận thế chấp là ngân hàng TMCP V và bên thế chấp là ông Nguyễn Minh T, hai bên thỏa thuận tài sản thế chấp là Nhà ở là căn hộ chung cư, diện tích sở hữu nhà ở 13,6m², tầng 2, diện tích sử dụng đất ở 34,9 m² tại địa chỉ căn 1b, nhà k5, TT T, phường T, quận H, TP H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 243425 số vào sổ cấp GCN: CS – HM 02694 do Sở tài nguyên môi trường TP H cấp ngày 23/05/2016. Ngày 20/01/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai H, chi nhánh quận H, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Minh T.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tài sản đảm bảo nêu trên hiện có gia đình anh Trần Sơn T gồm vợ chồng anh và 2 con nhỏ đang sinh sống được sự đồng ý của chủ tài sản là ông Nguyễn Minh T, căn hộ vẫn nguyên trạng như lúc ban đầu. Anh T có biết việc ông T thế chấp căn hộ này để vay ngân hàng, anh T và chị H vợ anh có nguyện vọng mua lại căn hộ trên từ lâu nhưng do không liên hệ được với ông T nên không thực hiện được, nay anh T, chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

HĐXX xét thấy, việc thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện, tài sản thế chấp là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bên thế chấp, nội dung, hình thức hợp đồng thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật và đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại khoản 1 điều 2 Hợp đồng thế chấp có nêu “*Tài sản thế chấp nêu tại điều 1 bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, phạt... phát sinh từ tất cả*

các văn kiện tín dụng ký kết giữa bên thế chấp với bên ngân hàng trước, trong, sau ngày ký hợp đồng này....Văn kiện tín dụng được hiểu bao gồm nhưng không giới hạn các thỏa thuận về cung cấp sử dụng tín dụng, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản, Hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng, Hợp đồng bảo lãnh... hay bất kỳ hợp đồng nào ghi nhận giao dịch cấp tín dụng giữa ngân hàng và bên thế chấp...’. Điều 6 “ Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo văn kiện tín dụng đã ký với ngân hàng thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ...”

Do vậy, căn cứ điều 305, 307 BLDS 2015, chấp nhận yêu cầu của ngân hàng về việc xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 420/2017, quyền số 01-2017 TP/CC-SCC-HĐGD ký ngày 11/02/2017 tại Văn phòng công chứng K, thành phố H trong trường hợp bên vay, ông Nguyễn Minh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán để thu hồi nợ cho ngân hàng.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn Minh T có nghĩa vụ phải thanh toán khoản nợ vay nên phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 39.932.362 đồng

Ngân hàng TMCP V được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn lại số tiền 18.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp đồng theo biên lai thu số AA/2020/0011968 ngày 11/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 116, 117, 118, 119, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Nguyễn Minh T

- Buộc ông Nguyễn Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm) theo Hợp đồng tín dụng số 11943617 ngày 15/2/2017 nợ gốc 493.616.321 đồng, lãi trong hạn 15.650.690 đồng, lãi quá hạn 310.030.750 đồng, lãi phạt chậm trả 5.123.767 đồng; Hợp đồng cho vay mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ ngày 11/12/2017 nợ gốc 21.899.037 đồng, lãi trong hạn 825.359 đồng, lãi quá hạn 33.149.516 đồng, lãi phạt chậm trả 265.698 đồng; Hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/11/2017 nợ gốc 16.833.691 đồng, lãi quá hạn 32.308.857 đồng.

Tổng cộng là 931.078.741 đồng, trong đó nợ gốc 532.349.039 đồng, lãi trong hạn 16.467.049 đồng, lãi quá hạn 375.489.123 đồng, lãi phạt chậm trả 5.389.465 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Minh T còn phải thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 11943617 ngày 15/2/2017 Hợp đồng cho vay mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ ngày 11/12/2017 Hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng ngày 20/11/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc của các khoản vay trên.

Trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 420/2017, quyền số 01-2017 TP/CC-SCC-HĐGD ký ngày 11/02/2017 tại Văn phòng công chứng K, thành phố H là căn hộ chung cư, diện tích sở hữu nhà ở 13,6m², tầng 2, diện tích sử dụng đất ở 34,9 m² tại địa chỉ căn 1b, nhà k5, TT T, phường T, quận H, TP H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 243425 số vào sổ cấp GCN: CS-HM 02694 do Sở tài nguyên môi trường TP H cấp ngày 23/05/2016. Ngày 20/01/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai H, chi nhánh quận H, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Minh T để thu hồi nợ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T phải nộp 39.932.362 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền 18.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp đồng theo biên lai thu số AA/2020/0011968 ngày 11/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

Khuất Thị Phương Lan